



Bảng dữ liệu an toàn



Bản sửa đổi SDS 1.0
Ngày: 03/01/2024

P101

1. HÓA CHẤT VÀ NHẬN DẠNG CÔNG TY

Tên hóa học: P101
Tên khác: VNP-P101
Khuyến nghị và hạn chế sử dụng: Xem Bảng dữ liệu kỹ thuật.
Tên, địa chỉ và số điện thoại của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu hoặc nhà cung cấp: NANPAO MATERIALS VIETNAM CO., LTD. Lô A4, A5, A10, A11, Đường Đại Đăng 3, Khu Công Nghiệp Đại Đăng, Phường Phú Tân, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam +84-274-3815811-13 / +84-274-3815810
Số điện thoại/số fax liên lạc khẩn cấp: +84-274-3815811-13 / +84-274-3815810

2. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

Phân loại chất hoặc hỗn hợp	
Chất lỏng dễ cháy, loại 3;H226	Chất lỏng và hơi dễ cháy.
Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt, loại 2;H319	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
Độc tính trên một cơ quan đích, loại phơi nhiễm đơn lẻ 3;H336	Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.
Nội dung nhãn:	
Phân loại mối nguy hiểm trong GHS	
Biểu tượng:	
	
Ngọn lửa	Dấu chấm than
Từ tín hiệu: Cảnh báo	
Tuyên bố nguy hiểm:	
H226 Chất lỏng và hơi dễ cháy.	
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.	
H336 Có thể gây buồn ngủ và chóng mặt.	

Các tuyên bố phòng ngừa:

[Phòng ngừa]:

P210 Tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa, ngọn lửa trần, bề mặt nóng - Cấm hút thuốc.

P233 Đậy kín nắp hộp đựng.

P235 Giữ mát.

P240 Mặt đất, liên kết container và thiết bị tiếp nhận.

P241 Sử dụng thiết bị điện, thông gió, chiếu sáng chống cháy nổ.

P242 Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa.

P243 Thực hiện các biện pháp phòng ngừa phóng tĩnh điện.

P261 Tránh hít bụi, khói, khí, sương mù, hơi, bụi phun.

P264 Rửa sạch sau khi xử lý.

P271 Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thông gió tốt.

P273 Tránh thải ra môi trường.

P280 Đeo găng tay bảo hộ, kính bảo hộ, mặt bảo hộ.

[Phản ứng]:

P303+361+353 NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị dính hóa chất. Rửa sạch da bằng nước và tắm.

P304+340 NẾU HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ nạn nhân ở tư thế thoải mái để thở.

P305+351+338 NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và dễ tháo - tiếp tục rửa.

P312 Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC, bác sĩ hoặc thầy thuốc nếu bạn cảm thấy không khỏe.

P337+313 Nếu tình trạng kích ứng mắt vẫn tiếp diễn: Hãy đi khám hoặc tìm kiếm sự chăm sóc y tế.

P370+378 Trong trường hợp hỏa hoạn: Sử dụng các phương tiện chữa cháy được liệt kê trong phần 5 của SDS để dập tắt.

[Kho]:

P403+233 Bảo quản nơi thông thoáng. Đậy kín nắp hộp.

P403+235 Bảo quản nơi thoáng mát.

P405 Cửa hàng đã bị khóa.

[Thải bỏ]:

P501 Vứt bỏ nội dung hoặc thùng chứa theo quy định của địa phương và quốc gia.

Các mối nguy hiểm khác: Sản phẩm này không chứa hóa chất PBT/vPvB.

3. THÔNG TIN NHẬN DẠNG THÀNH PHẦN

HỖN HỢP:

Sản phẩm này có chứa các chất sau đây có thể gây nguy hiểm theo quy định của Đài Loan.

Tính chất hóa học:			
Tên hóa học	Số CAS	Sự tập trung hoặc sự tập trung phạm vi (% của nội dung)	Phân loại theo quy định tại Đài Loan*
Metyl Ethyl Ketone	Số CAS: 78-93-3 Số EC: 201-159-0 Số chỉ mục: 606-002-00-3	13 - 18	Chất lỏng dễ cháy, loại 2; H225 Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt, loại 2;H319 Độc tính cơ quan đích đơn lẻ, phơi nhiễm đơn lẻ loại 3;H336
Dimethyl sulfoxide	Số CAS: 67-68-5 Số EC: 200-664-3 Số chỉ mục:	45 - 60	Không được phân loại
Aceton	Số CAS: 67-64-1 Số EC: 200-662-2 Số chỉ mục: 606-001-00-8	13 - 18	Chất lỏng dễ cháy, loại 2; H225 Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt, loại 2;H319 Độc tính cơ quan đích đơn lẻ, phơi nhiễm đơn lẻ loại 3;H336

Các thành phần không nguy hiểm

Chỉ định thành phần/hóa chất	Cân nặng %	Phân loại GHS
Nhựa polyurethane Số CAS: 52270-22-1	1 - 5	Không được phân loại

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Các biện pháp sơ cứu cho các đường tiếp xúc khác nhau:
Tổng quan : Trong mọi trường hợp nghi ngờ hoặc khi các triệu chứng vẫn tiếp diễn, hãy tìm kiếm sự chăm sóc y tế. Không bao giờ đưa bất cứ thứ gì vào miệng người đang bất tỉnh. Hít vào: Đưa bệnh nhân ra nơi thoáng khí, giữ ấm và nghỉ ngơi. Nếu thở không đều hoặc ngừng thở, hãy cho thở nhân tạo.

<p>hồ hấp. Nếu bất tỉnh, hãy đặt nạn nhân ở tư thế hồi phục và tìm kiếm sự chăm sóc y tế ngay lập tức. Không cho nạn nhân ăn uống gì.</p>
<p>Tiếp xúc với da:</p> <p>Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng xà phòng và nước hoặc sử dụng chất tẩy rửa da được công nhận.</p>
<p>Giao tiếp bằng mắt:</p> <p>Rửa thật nhiều bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút, giữ mí mắt tách ra và tìm kiếm sự chăm sóc y tế.</p>
<p>Tiêu hóa:</p> <p>Nếu nuốt phải, hãy đến cơ sở y tế ngay lập tức. Giữ cơ thể nghỉ ngơi. KHÔNG gây nôn.</p>
<p>Các triệu chứng quan trọng nhất và tác động nguy hiểm:</p> <p>Tổng quan :</p> <p>Tiếp xúc với nồng độ hơi dung môi từ các thành phần dung môi vượt quá giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp đã nêu có thể gây ra các tác động xấu đến sức khỏe như kích ứng niêm mạc và hệ hô hấp, cũng như các tác động xấu đến thận, gan và hệ thần kinh trung ương. Các triệu chứng bao gồm đau đầu, buồn nôn, chóng mặt, mệt mỏi, yếu cơ, buồn ngủ và trong trường hợp nghiêm trọng có thể dẫn đến mất ý thức.</p> <p>Tiếp xúc nhiều lần hoặc kéo dài với chế phẩm có thể làm mất lớp mỡ tự nhiên trên da, dẫn đến khô da, kích ứng và có thể gây viêm da tiếp xúc không do dị ứng. Dung môi cũng có thể được hấp thụ qua da. Chất lỏng bắn vào mắt có thể gây kích ứng và đau nhức, có thể gây tổn thương có thể phục hồi.</p> <p>Hít vào:</p> <p>Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.</p> <p>Giao tiếp bằng mắt:</p> <p>Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.</p> <p>Tiếp xúc với da:</p> <p>Không có thông tin có sẵn</p>
<p>Sự bảo vệ của người sơ cứu:</p> <p>Đeo thiết bị bảo hộ loại C và ở trong khu vực an toàn để thực hiện sơ cứu.</p>
<p>Lưu ý cho bác sĩ:</p> <p>Điều trị theo triệu chứng.</p>

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

<p>Phương tiện chữa cháy phù hợp: Phương</p> <p>tiện chữa cháy khuyến nghị; bột chống cồn, CO2, bột.</p>
<p>Trong quá trình chữa cháy có thể gặp phải những mối nguy hiểm đặc biệt:</p> <p>Phân hủy nguy hiểm: Cacbon Dioxid, Cacbon Monoxide</p> <p>Tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa, ngọn lửa trần, bề mặt nóng - Không hút thuốc.</p> <p>Đậy kín hộp đựng.</p>

Giữ mát.

Mặt đất, liên kết container và thiết bị tiếp nhận.

Sử dụng thiết bị điện, thông gió, chiếu sáng chống cháy nổ.

Chỉ sử dụng các công cụ không phát ra tia lửa.

Thực hiện các biện pháp phòng ngừa phóng tĩnh điện.

Tránh hít bụi, khói, khí, sương mù, hơi, bụi nước.

Phương pháp chữa cháy đặc biệt:

Bình xịt nước không thích hợp để dập tắt đám cháy do hóa chất gây ra, nhưng có thể dùng để làm mát các vật chứa và bảo vệ vật liệu tại hiện trường vụ cháy.

Thiết bị và biện pháp bảo vệ đặc biệt cho lính cứu hỏa:

Như với tất cả các đám cháy khác, hãy đeo bình thở áp suất dương (SCBA) với mặt nạ kín và quần áo bảo hộ. Những người không có thiết bị bảo vệ hô hấp nên rời khỏi khu vực. Đeo bình thở áp suất dương (SCBA) trong quá trình dọn dẹp ngay sau đám cháy. Cấm hút thuốc.

6. BIỆN PHÁP PHÁT HÀNH TAI NẠN

Biện pháp phòng ngừa cá nhân:

Đeo thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp (xem phần 8).

Các biện pháp phòng ngừa về môi trường:

Không để chất lỏng tràn vào cống rãnh hoặc đường thủy.

Thực hiện vệ sinh cá nhân tốt. Rửa tay trước khi ăn, uống, hút thuốc hoặc đi vệ sinh. Cởi bỏ quần áo bẩn ngay lập tức và giặt sạch trước khi sử dụng lại.

Phương pháp làm sạch:

Thông gió khu vực và tránh hít phải hơi hóa chất. Thực hiện các biện pháp bảo hộ cá nhân được liệt kê trong mục 8.

Chứa và hấp thụ chất lỏng tràn đổ bằng vật liệu không cháy như cát, đất và vermiculite. Đổ vào thùng chứa kín bên ngoài tòa nhà và xử lý theo Quy định về Chất thải.

7. BIỆN PHÁP XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ AN TOÀN

Xử lý:

Xem phần 2 để biết thêm chi tiết. - [Phòng ngừa]:

Kho :

Xử lý thùng chứa cẩn thận để tránh hư hỏng và đổ tràn.

Vật liệu không tương thích: Không có dữ liệu.

Xem phần 2 để biết thêm chi tiết. - [Lưu trữ]:

8. CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT TIẾP XÚC

Kiểm soát kỹ thuật:

Cung cấp thông gió đầy đủ. Khi có thể thực hiện được, điều này nên được thực hiện bằng cách sử dụng các biện pháp thông gió tại chỗ.

Thông gió hút và hút khí tổng thể tốt. Nếu những biện pháp này không đủ để duy trì nồng độ các hạt và hơi dưới mức giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, cần phải đeo thiết bị bảo hộ hô hấp phù hợp.

Các thông số kiểm soát					
Nguyên liệu	thời gian 8 giờ	Ngắn hạn	Tối đa	Các quy định khác	
	trung bình có trọng số	giới hạn phơi nhiễm	giới hạn phơi nhiễm		
	giới hạn phơi nhiễm				
67-64-1 / Aceton	200 ppm TWA;	250 ppm 593,75	Không có sẵn	ACGIH TWA:	500 ppmSTEL: 750 ppm
	475 mg/m3 TWA	mg/m3	thông tin	NIOSH 250	ppm (590 mg/m3) TWA
67-68-5 / Dimethyl sulfoxide	Không có sẵn	Không có sẵn	Không có sẵn	ACGIH Không có	thông tin có sẵn
	thông tin	thông tin	thông tin	NIOSH Không có	thông tin có sẵn
78-93-3 / Methyl Ethyl Ketone	200 ppm TWA;	250 ppm 737,5	0,02 ppm, 0,2	ACGIH TWA:	50 ppmSTEL: 100 ppm
	590 mg/m3 TWA	mg/m3	mg/m3	NIOSH TWA	200 ppm (590 mg/m3) STEL: 300 ppm (885 mg/m3)
Nguyên liệu		TẠI			
67-64-1 /Axeton		Acetone nước tiểu 50mg/L (Ns)			
67-68-5 / Dimethyl sulfoxide		Không có thông tin có sẵn			
78-93-3 /Methyl Ethyl Ketone		MEK trong nước tiểu sau khi làm việc là 2mg/L (Ns)			
Thiết bị bảo vệ cá nhân:					
Bảo vệ hô hấp: Nếu công nhân tiếp xúc với nồng độ vượt quá giới hạn phơi nhiễm, họ phải sử dụng mặt nạ phòng độc được chứng nhận phù hợp.					
Bảo vệ tay: Nên sử dụng găng tay bảo hộ.					
Bảo vệ mắt: Đeo kính an toàn có tấm chắn hai bên để bảo vệ mắt. Nên sử dụng trạm rửa mắt như một biện pháp tốt tại nơi làm việc.					
Bảo vệ da và cơ thể:					
Tránh tiếp xúc với da.					
Biện pháp vệ sinh:					
Thực hiện các biện pháp vệ sinh cá nhân tốt. Rửa tay trước khi ăn, uống, hút thuốc hoặc đi vệ sinh. Cởi bỏ quần áo bẩn ngay lập tức và giặt sạch trước khi mặc lại.					

9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Ngoại hình (trạng thái, màu sắc, v.v.):	Mùi :
Chất lỏng trong suốt không màu	Giống như mùi xeton

Ngưỡng mùi: Không có thông tin có sẵn	Điểm nóng chảy: Không có thông tin có sẵn
Giá trị pH: Không có thông tin có sẵn	Điểm sôi / Khoảng sôi: 141,85°C
Tính dễ cháy (rắn, lỏng): Không có thông tin có sẵn	Điểm bùng phát: Phương pháp thử (Mở cốc hoặc Đóng cốc): 23°C (Đóng cốc)
Nhiệt độ phân hủy: Không có thông tin có sẵn	Giới hạn nổ: 1,8% - 42%
Nhiệt độ tự bốc cháy: 353 °C	Mật độ hơi: 2.39 (Không khí = 1)
Áp suất hơi: 75,8 mmHg/20°C	Độ hòa tan: Không hòa tan
Tỉ trọng : 1.02	Tốc độ bay hơi: 4,75 (Butyl axetat = 1)
Hệ số phân chia octanol-nước: Không có thông tin có sẵn	Tính chất nổ: Không có thông tin có sẵn
Tính chất oxy hóa: Không có thông tin có sẵn	Ngưỡng mùi (Phát hiện): Không có thông tin có sẵn
Ngưỡng mùi (Giác quan): Không có thông tin có sẵn	

10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Khả năng phản ứng: Không xảy ra phản ứng trùng hợp nguy hiểm.
Độ ổn định hóa học: Ổn định trong điều kiện bình thường.
Các phản ứng nguy hiểm có thể xảy ra trong những điều kiện cụ thể: Không có thông tin có sẵn
Các điều kiện cần tránh: Tránh nhiệt độ vượt quá điểm bắt lửa. Tiếp xúc với vật liệu không tương thích.
Vật liệu cần tránh: Không có dữ liệu nào có sẵn.
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Carbon điôxit, Cacbon monoxit

11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Đường lây nhiễm/triệu chứng:

Tuyến đường tiếp xúc					
Tiêu hóaTiếp xúc với daTiếp xúc với mắtHít phải					
Triệu chứng					
Kích ứng Buồn nônNônĐau đầuBuồn ngủChóng mặt					

Độc tính cấp tính					
Tiếp xúc với nồng độ hơi dung môi từ các thành phần dung môi vượt quá giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp đã nêu có thể gây ra các tác động xấu đến sức khỏe như kích ứng niêm mạc và hệ hô hấp, cũng như các tác động xấu đến thận, gan và hệ thần kinh trung ương. Các triệu chứng bao gồm đau đầu, buồn nôn, chóng mặt, mệt mỏi, yếu cơ, buồn ngủ và trong trường hợp nghiêm trọng có thể dẫn đến mất ý thức.					
Tiếp xúc nhiều lần hoặc kéo dài với chế phẩm có thể làm mất lớp mỡ tự nhiên trên da, dẫn đến khô da, kích ứng và có thể gây viêm da tiếp xúc không do dị ứng. Dung môi cũng có thể được hấp thụ qua da. Chất lỏng bắn vào mắt có thể gây kích ứng và đau nhức, có thể gây tổn thương có thể phục hồi.					

Nguyên liệu	LD50 qua đường uống, mg/kg	Da LD50, mg/kg	Hít vào Hơi LC50, mg/L/4 giờ	Hít vào Bụi/Sương mù LC50, mg/L/4 giờ	Hít vào Khí LC50, ppm
Aceton - (67-64-1)	5.800,00, Chuột - Thế loại: NA	7.426,00, Thỏ - Thế loại: NA	76.00, Chuột - Thế loại: NA	50.10, Chuột - Thế loại: NA	Không có sẵn thông tin
Dimethyl sulfoxide - (67-68-5)	28.300,00, Chuột - Thế loại: NA	40.000,00, Chuột - Thế loại: NA	Không có sẵn thông tin	Không có sẵn thông tin	40.250,00, Chuột - Thế loại: NA
Metyl Ethyl Ketone - (78-93-3)	Không có sẵn thông tin	6.480,00, Thỏ - Thế loại: NA	32.00, Chuột - Thế loại: NA	Không có sẵn thông tin	Không có sẵn thông tin

Lưu ý: Khi không có dữ liệu LD50 cụ thể theo đường dùng cho độc tố cấp tính, ước tính điểm độc tính cấp tính đã chuyển đổi sẽ được sử dụng để tính toán ATE (Ước tính độc tính cấp tính) của sản phẩm.

Dữ liệu về chất gây ung thư			
Số CAS	Nguyên liệu	Nguồn	Giá trị
67-64-1	Aceton	Chất gây ung thư được OSHA quy định: Không	
		NTP đã biết: Không; Nghi ngờ: Không	
		Nhóm 1 của IARC: Không; Nhóm 2a: Không; Nhóm 2b: Không; Nhóm 3: Không; Nhóm 4: Không;	
67-68-5	Dimethyl sulfoxide	Chất gây ung thư được OSHA quy định: Không	
		NTP đã biết: Không; Nghi ngờ: Không	
		Nhóm 1 của IARC: Không; Nhóm 2a: Không; Nhóm 2b: Không; Nhóm 3: Không; Nhóm 4: Không;	
78-93-3	Metyl Ethyl Ketone	Chất gây ung thư được OSHA quy định: Không	
		NTP đã biết: Không; Nghi ngờ: Không	

		Nhóm 1 của	IARC: Không; Nhóm 2a: Không; Nhóm 2b: Không; Nhóm 3: Không; Nhóm 4: Không;
Độc tính mãn tính hoặc độc tính lâu dài: Không có thông tin nào có sẵn			

12. THÔNG TIN SINH THÁI

Độc tính sinh thái Có hại cho sinh vật thủy sinh.				
Nguyên liệu	Cá LC50 96 giờ, mg/l	giáp xác EC50 48 giờ, mg/l	Tảo ErC50, mg/l	Khả năng phân hủy sinh học %
Aceton - (67-64-1)	8.120,00, Pimephales promelas	8.800,00, Daphnia bọ chết	7.000,00 (96 giờ), Pseudokirchneriella phổ thủy sinh trưởng	90,90
Dimethyl sulfoxide - (67-68-5)	34.000,00, Pimephales promelas	24.600,00, Daphnia magna	17.000,00 (72 giờ), Pseudokirchneriella phổ thủy sinh trưởng	31.00
Metyl Ethyl Ketone - (78-93-3)	2.993,00, Pimephales promelas	308.00, Daphnia magna	2.029,00 (96 giờ), Pseudokirchneriella phổ thủy sinh trưởng	98,00
Sự tồn tại và suy thoái: Không có dữ liệu nào về chế phẩm này.				
Sự tích tụ của sinh vật: Không có thông tin có sẵn				
Di chuyển qua đất, Koc: Không có thông tin có sẵn				
Kết quả đánh giá PBT và vPvB: Sản phẩm này không chứa hóa chất PBT/vPvB.				
Những tác động tiêu cực khác: Không có thông tin có sẵn				

13. BIỆN PHÁP XỬ LÝ CHẤT THẢI

Phương pháp xử lý chất thải: Tuân thủ mọi quy định của liên bang, tiểu bang và địa phương khi thải bỏ chất này.
--

14. THÔNG TIN VẬN TẢI

	DOT (Nội địa Bề mặt Vận tải)	IMO / IMDG (Đại dương Vận tải)	ICAO/IATA
Số Liên Hợp Quốc (Số Liên Hợp Quốc)	Liên Hợp Quốc 1993	Liên Hợp Quốc 1993	Liên Hợp Quốc 1993

Vận chuyển đúng cách của Liên Hợp Quốc tên	Dễ cháy chất lỏng, số	Chất lỏng dễ cháy, nos, Chất lỏng ketone, Acetone, Dimethyl sulfoxide)	dễ cháy, nos, (Methyl ethyl (Methyl etyl xeton, Aceton, Dimethyl sulfoxide)
Nguy cơ vận chuyển phân loại	Nguy hiểm DOT Lớp: 3	IMDG: 3 Lớp phụ: Không áp dụng	Hạng không quân: 3
Nhóm đóng gói	II	II	II
Hướng dẫn ERG số	128		
Chất gây ô nhiễm đại dương (Có/Không)	KHÔNG		
Vận chuyển cụ thể các biện pháp và phòng ngừa điều kiện :	Không có thông tin có sẵn		

15. THÔNG TIN QUY ĐỊNH

<p>Quy định áp dụng:</p> <p>Đạo luật An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp</p> <p>Đạo luật Kiểm soát Chất hóa học Độc hại và Đáng lo ngại</p> <p>Tiêu chuẩn về giới hạn phơi nhiễm cho phép tại công trường</p> <p>Quy định về dán nhãn và truyền đạt thông tin nguy hiểm về hóa chất nguy hiểm</p> <p>Quy định về việc chỉ định và xử lý hóa chất quản lý ưu tiên</p> <p>Tiêu chuẩn về phương pháp và cơ sở vật chất cho việc lưu trữ, xử lý và thải bỏ chất thải công nghiệp</p> <p>Quy định quản lý vận chuyển chất độc hại và hóa chất liên quan:</p> <p>Theo hiểu biết của chúng tôi, không có hóa chất nào ở mức độ cần phải báo cáo theo luật này.</p> <p>Đài Loan - Hóa chất quản lý ưu tiên - Chất gây ung thư, gây đột biến và độc hại đối với sinh sản (CMR):</p> <p>Theo hiểu biết của chúng tôi, không có hóa chất nào ở mức độ cần phải báo cáo theo luật này.</p> <p>Đài Loan - Hóa chất quản lý ưu tiên - Các chất có nguy cơ gây hại cho sức khỏe và vật lý:</p> <p>Aceton</p> <p>Metyl Ethyl Ketone</p> <p>Dung môi hữu cơ, OSHA Đài Loan:</p> <p>Aceton</p> <p>Metyl Ethyl Ketone</p> <p>Các chất hóa học được chỉ định, OSHA Đài Loan:</p> <p>Theo hiểu biết của chúng tôi, không có hóa chất nào ở mức độ cần phải báo cáo theo luật này.</p> <p>Các chất quản lý được chỉ định, OSHA Đài Loan:</p> <p>Theo hiểu biết của chúng tôi, không có hóa chất nào ở mức độ cần phải báo cáo theo luật này.</p>
--

Giám sát công trường đối với dung môi hữu cơ, OSHA Đài Loan:

Aceton

Metyl Ethyl Ketone

Giám sát công trường đối với chất hóa học được chỉ định, OSHA Đài Loan:

Theo hiểu biết của chúng tôi, không có hóa chất nào ở mức độ cần phải báo cáo theo luật này.

Hồ sơ giám sát được lưu giữ trong 30 năm, OSHA Đài Loan:

Theo hiểu biết của chúng tôi, không có hóa chất nào ở mức độ cần phải báo cáo theo luật này.

16. THÔNG TIN KHÁC

Thẩm quyền giải quyết	1. Cục An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp, Trang web Hệ thống Điều hòa Toàn cầu về Hóa chất GHS (http://ghs.osha.gov.tw/CHT/masterpage/index_CHT.aspx) 2. Cục Bảo vệ Môi trường thuộc Viện Hành chính Trung ương, Cục Hóa chất Độc hại (http://www.epa.gov.tw/np.asp?ctNode=31422&mp=epa) 3. Trang web của Cơ quan Hóa chất Châu Âu. (http://echa.europa.eu/)
Được chuẩn bị bởi	Trợ lý tiêu đề Họ và tên (Chữ ký) LÊ THỊ TRÂM
Ngày phát hành	03/01/2024

Nhận xét	Thông tin và khuyến nghị trong tài liệu này dựa trên dữ liệu được cho là chính xác. Tuy nhiên, chúng tôi không đưa ra bất kỳ bảo đảm hay cam kết nào, dù rõ ràng hay ngụ ý, liên quan đến thông tin trong tài liệu này. Chúng tôi không chịu trách nhiệm và từ chối mọi trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ tác hại nào có thể xảy ra do tiếp xúc với sản phẩm của chúng tôi. Khách hàng/người sử dụng sản phẩm này phải tuân thủ mọi luật, quy định và lệnh hiện hành về sức khỏe và an toàn.
----------	--

Kết thúc tài liệu